

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH B ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02-8-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về

nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH B ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lê Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phương.

2. Ông Phạm Thành Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh B Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh B Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh B Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Thanh B, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh B Định; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh B Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Thanh B trình bày: Anh và chị Trần Thị N tự nguyện tìm hiểu được 03 năm rồi tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 5 năm 2015 tại UBND xã P, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc nhưng đến khi gần sinh con thứ 02 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N không đi làm nhưng vay mượn khắp nơi và anh phải nhiều lần trả nợ thay cho chị N. Khi vợ chồng nói chuyện thì chị bỏ nhà đi. Chị N sinh con ở bên ngoài, khi con được 12

ngày thì đưa con về cho anh nuôi rồi bỏ đi từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2009 và cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2018. Hiện hai con đều đang sống với anh. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh B được ly hôn, giao con chung cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Thanh B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với chị Trần Thị N là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N có nợ cư trú cuối cùng tại huyện T, tỉnh B Định nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh B Định.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị N vắng mặt dù đã được thông báo hợp lệ Quyết định đưa vạ ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Anh Trần Thanh B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị N.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chỉ có anh B cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai nên Tòa án chỉ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ này để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Anh Trần Thanh B và chị Trần Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 5 năm 2015 tại UBND xã P, huyện T nên hôn nhân giữa anh B, chị N là hôn nhân hợp pháp. Anh B yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chị Trần Thị N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 39/2021/QĐST-Ds

ngày 18 tháng 6 năm 2021. Do đó, áp dụng Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho anh B được ly hôn chị N.

[5] Về quan hệ con chung: Anh B và chị N có 02 con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2009 và cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2018. Hai con đang sống với anh B và anh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu. Trong khi đó, chị N đã bị tuyên bố mất tích nên việc giao các cháu cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ: Anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Trần Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Cho anh Trần Thanh B được ly hôn chị Trần Thị N.

2. Giao con chung là cháu Trần Văn T, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2009 và cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2018 cho anh Trần Thanh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Anh Trần Thanh B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000972 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS huyện Tuy Phước;
- UBND X. P, H. Tuy Phước (Số 15/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên